

Số: 1249/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v đình chỉ học tập và xóa tên khỏi danh sách sinh viên  
hệ đại học chính quy học kỳ I năm học 2021 - 2022**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ I năm học 2021 - 2022 của sinh viên và kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét học tiếp, cảnh báo học tập, đình chỉ học tập và xóa tên khỏi danh sách đối với sinh viên hệ đại học chính quy trong phiên họp ngày 8/6/2022.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay đình chỉ học tập và xóa tên khỏi danh sách 28 sinh viên hệ đại học chính quy bắt đầu từ học kỳ I năm học 2021 - 2022 (danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Phòng Đào tạo thông báo trả sinh viên về gia đình và địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú trước khi nhập học.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Phòng, Khoa có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VT, PĐT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Công Gia Khánh**



**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN ĐÌNH CHỈ HỌC TẬP  
VÀ XÓA TÊN KHỎI DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Đính kèm QĐ 1249/ĐHKTL-ĐT ngày 12 tháng 8 năm 2022)

| STT | MSSV       | HỌ                | TÊN    | NGÀY SINH  | LỚP      | LÝ DO                                       | Nợ HP HK1 (2021-2022) | GHI CHÚ |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|---------------------------------------------|-----------------------|---------|
| 1   | K204110593 | Nguyễn Hoàng      | Hải    | 21/03/2002 | K20411C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,900,000            |         |
| 2   | K204160668 | Đông Văn          | Quân   | 02/01/2002 | K20416C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,900,000            |         |
| 3   | K204050261 | Nguyễn Thụy Tường | Vy     | 02/08/2002 | K20405   | Tự ý bỏ học.                                | -                     |         |
| 4   | K204051305 | Lê Thị Tuyết      | Loan   | 08/11/2002 | K20405   | Tự ý bỏ học.                                | -                     |         |
| 5   | K204090490 | Lê Ánh            | Ngọc   | 31/08/2002 | K20409C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,850,000            |         |
| 6   | K204091671 | Nguyễn Thị Ánh    | Tuyết  | 18/01/2002 | K20409   | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | -                     |         |
| 7   | K204091689 | Phạm Trần Trần    | Quốc   | 17/08/2002 | K20409C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,850,000            |         |
| 8   | K204131835 | Nguyễn Hồng       | Ngọc   | 12/07/2002 | K20413   | Tự ý bỏ học.                                | -                     |         |
| 9   | K214132037 | Võ Xuân           | Nhiên  | 23/10/2003 | K21413CA | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 23,100,000            |         |
| 10  | K214132049 | Trần Thị Thanh    | Tĩnh   | 09/01/2001 | K21413CA | Tự ý bỏ học; Học kỳ đầu (0.00) không đạt 3. | -                     |         |
| 11  | K194010113 | Trần Tú           | Uyên   | 14/10/2001 | K19401C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 12,500,000            |         |
| 12  | K194010115 | Đặng Hoàng        | Vũ     | 20/09/2001 | K19401C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 12,500,000            |         |
| 13  | K194030380 | Bùi Ngọc Anh      | Thư    | 30/06/2001 | K19403C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 12,500,000            |         |
| 14  | K204031053 | Nguyễn Thị Huỳnh  | Như    | 13/04/2002 | K20403   | Tự ý bỏ học.                                | -                     |         |
| 15  | K184081107 | Nguyễn Lý         | Khôi   | 26/02/2000 | K18408CA | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 37,044,000            |         |
| 16  | K194020267 | Trần Nhật         | Tiến   | 05/05/2001 | K194022C | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 12,408,000            |         |
| 17  | K204020114 | Trương Hoàng Đông | Uyên   | 03/01/2002 | K204021C | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,900,000            |         |
| 18  | K204020852 | Lưu Nguyễn Khôi   | Nguyên | 02/05/2002 | K204022C | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,900,000            |         |
| 19  | K214020185 | Nguyễn Thu        | Uyên   | 19/06/2003 | K21402CA | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 23,150,000            |         |
| 20  | K205032179 | Nguyễn Hữu Tuấn   | Anh    | 11/05/2002 | K20503C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,900,000            |         |
| 21  | K205012070 | Ao Nguyễn Hồng    | Phúc   | 01/10/2002 | K20501C  | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 13,756,130            |         |
| 22  | K194071023 | Nguyễn Hồ Hoài    | Nam    | 01/07/2001 | K19407CA | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 19,498,000            |         |
| 23  | K194101436 | Lê Ngọc Tường     | Vy     | 18/12/2001 | K19410   | Tự ý bỏ học.                                | -                     |         |
| 24  | K204070367 | Hồng Thị Ngọc     | Yến    | 11/04/2002 | K20407CA | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 23,100,000            |         |
| 25  | K204071546 | Ngô Tú            | Trần   | 30/11/2002 | K20407CA | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 23,150,000            |         |
| 26  | K204040217 | Nguyễn Quốc       | Trung  | 08/02/2002 | K20404A  | Tự ý bỏ học.                                | -                     |         |
| 27  | K204041211 | Lê Thanh          | Trúc   | 05/06/2002 | K20404B  | Tự ý bỏ học.                                | -                     |         |
| 28  | K204041279 | Nguyễn Quốc Nam   | Sơn    | 08/01/2002 | K20404CA | Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí.      | 23,150,000            |         |

NGƯỜI LẬP  
DANH SÁCH

Châu Văn Hồ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Cù Xuân Tiến

TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH

Lợi Minh Thanh

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh